

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 01 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Lợi

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 05 năm 1995 tại Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình V và bà Phùng Thị S; có vợ Trương Thị Ngọc A và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án (1): Bản án số 128/HSST ngày 18/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt ngày 17/5/2023), tiền sự: Không; nhân thân (2): Bản án số 17/2013/HSST ngày 27/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 20/2018/HSST ngày 07/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 16/9/2023 đến ngày 25/9/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

2. Phạm Văn L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1998 tại Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Phạm Thị H Th; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/11/2023 cho đến nay “có mặt”.

- Bị hại:

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: Xã P, huyện M, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

+ Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện L, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trương Thị Ngọc A1, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định “có mặt”.

+ Anh Vũ Tiến Đ, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình T và Nguyễn Nhân Q là bạn bè xã hội, không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu sài cá nhân T nảy sinh ý định rủ Q sang địa bàn tỉnh Ninh Bình tìm tài sản sỡ hữu để trộm cắp. Trong hai ngày, ngày 07/9/2023 và ngày 14/9/2023 T đã 02 lần rủ Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 07/09/2023, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s lắp sim số 0387.916.166 gọi đến số 0965.436.750 của Q rủ đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. T chuẩn bị vạm và tay công sau đó điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không lắp biển kiểm soát đi đón Q (lúc này Q đang ở nhà anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987 trú tại phố Đ, phường NB, thành phố N). Đến nơi T điều khiển xe còn Q ngồi sau đi vào khu dân cư ở gần nhà anh Đ để tìm xe mô tô của người dân sỡ hữu để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 18 phút, khi đi đến nhà đang xây dựng của anh Phạm Văn D, sinh năm 1989, tại ngõ 384, đường T, phố B, phường NB, T phát hiện 02 chiếc xe mô tô, trong đó có một chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen, biển kiểm soát 35N1-223.05 của anh Trần Văn C là thợ xây dựng nhà cho anh D. T dừng xe lại sau đó xuống xe để Q lên cầm lái và bảo Q “Anh đứng đây chờ em” rồi tiến lại chiếc xe mô tô của anh C, thấy chiếc xe khóa cổ nên T dùng vạm và tay công lắp vào với nhau rồi cầm đầu vạm vào ổ khóa của chiếc xe, dùng hai tay bẻ vặn theo chiều kim đồng hồ để phá khóa thì phá được khóa cổ xe

nhưng không mở được khóa điện. T dắt chiếc xe Yamaha Exciter ra chỗ Q, để Q ngồi lên điều khiển, còn T điều khiển xe Honda Dream dùng chân phải đạp vào chỗ để chân chiếc xe Yamaha Exciter để đẩy về nhà T cất giấu. Trên đường đi về nhà, T đã tháo biển kiểm soát của xe vất đi. Kiểm tra bên trong cốp xe thấy có giấy tờ xe, T đã lấy ra và đốt hết. Sau khi mang chiếc xe Yamaha Exciter về nhà, T dùng giấy gói mài số khung, số máy của xe với mục đích đem đi tiêu thụ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78 ngày 21/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter GP 150 đời 2017, màu xanh, bạc, đen 35N1 - 223.05 (xe mô tô đã qua sử dụng) có giá trị 15.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ, ngày 14/9/2023, T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter không có biển kiểm soát (là chiếc xe mô tô T và Q trộm cắp ngày 07/9/2023 tại phố B, phường NB, thành phố N, tỉnh Ninh Bình) đến rủ Q đi sang tỉnh Ninh Bình tìm tài sản trộm cắp. T điều khiển xe mô tô chở Q đi lên cao tốc Cao Bồ - Mai Sơn hướng về tỉnh Ninh Bình và đi vào địa phận xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. T điều khiển xe đi lòng vòng quanh xã Khánh Hoà, khi đi đến trước cửa nhà trọ của chị Trần Phương L, sinh năm 2003, trú tại xóm Xuân, xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển kiểm soát 35B3 - 020.34 của anh Nguyễn Tuấn A để ở trước hiên nhà. T dùng kim thủy lực và chiếc tuốc nơ vít đã chuẩn bị từ trước mang theo cắt khoá cổng đi vào chỗ dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH thì thấy khoá cổ nên T đi ra và chở Q đi lòng vòng quanh xã Khánh Hoà tìm tài sản khác để trộm cắp. Trên đường, T và Q thống nhất quay lại để trộm chiếc xe SH trên. T và Q đi vào chỗ dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, Q dùng tay giữ đầu xe còn T dùng chân đạp vào tay lái xe để bẻ khoá. Khi đã bẻ được khoá cổ, T dắt chiếc xe SH ra ngoài, đưa xe cho Q ngồi lên cầm lái còn T điều khiển xe mô tô Exciter dùng chân đẩy chiếc xe SH đi theo đường cũ vào đường cao tốc Cao Bồ - Mai Sơn đi về tỉnh Nam Định. Trên đường đi, T dừng lại cạy cốp xe SH để tìm tài sản nhưng không có gì, T dùng cờ lê ở trong cốp xe để tháo biển số xe, sau đó tiếp tục đẩy chiếc xe SH đi đến chân Cầu Mới thuộc xã Yên Bằng, huyện Y, tỉnh Nam Định rồi rẽ phải đi theo đường đê đi về nhà. Trong lúc đi trên đê T đã dừng lại vất biển số xe, bộ cờ lê, mỏ lết của xe SH và chiếc tuốc nơ vít xuống sông Đáy. Khi về gần đến bờ ruộng gần nhà T, T và Q thống nhất cất giấu xe SH tại ngõ cụt sau nhà T rồi đi về nhà.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T gặp và nói chuyện với Phạm Văn L, có chiếc xe SH, màu đen mới “nhảy” được bên Ninh Bình muốn bán. L hiểu “nhảy” ý là xe T trộm cắp được nhưng do giá rẻ nên L vẫn đồng ý mua. L thống nhất với T mua chiếc xe với giá 9.000.000 đồng. Sau đó, T gọi điện cho Q đến chỗ giấu xe và đẩy xe đến gần nhà L để T lấy xe giao cho L. T đưa cho L số tài khoản 22669988888888 của vợ T là Trương Thị Ngọc A1 mở tại Ngân hàng MB Bank để chuyển khoản số tiền mua xe. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L dùng số tài khoản 0981710550 mang tên

PHAM VAN LAM, Ngân hàng MB Bank để chuyển khoản số tiền 9.000.000 đồng cho T. Sau đó, T đã chuyển khoản cho Q 4.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng T đã rút ra chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được xe, ngày 16/9/2023 do chiếc xe đã bị phá hỏng khoá nên L đã dắt chiếc xe đến quán sửa xe của anh Vũ Tiến Đ để thay khoá.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33 ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Yên Khánh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển kiểm soát 35B3 - 020.34, số khung RLHJF9506NY127263, số máy JF95E0142320 (xe mô tô đã qua sử dụng) trị giá 45.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSNDTPNB ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố để xét xử bị cáo Trần Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, T đã nhờ gia đình hoàn trả lại cho L số tiền 9.000.000 đồng mua xe, L đã nhận đủ số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Ngọc A1 khai: Chị là vợ của Trần Đình T. Tài khoản ngân hàng số 2266998888888 của Ngân hàng MB Bank mang tên Trương Thị Ngọc A1 là tài khoản của chị mở vào đầu năm 2023, hiện tại số tài khoản này do T sử dụng ở máy điện thoại của T, thẻ ngân hàng chị đã làm mất từ lâu. Chị Ngọc A1 không biết việc L chuyển số tiền 9.000.000 đồng vào số tài khoản trên, chị cũng không biết T sử dụng số tiền trên vào việc gì.

Tại các lời khai trong quá trình điều tra, bị hại anh Trần Văn C khai: Sáng ngày 07/9/2023 anh C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter biển kiểm soát 35N1-22305 đến nhà anh Phạm Văn D để xây nhà cho anh D. Anh C để xe ở góc cây đối diện bên cạnh nhà anh D, đến trưa anh ăn cơm luôn tại nhà anh D. Đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày thì phát hiện chiếc xe đã bị kẻ gian lấy mất. Sau đó anh có xem lại camera của nhà anh D thì phát hiện vào hồi 12 giờ 18 phút ngày 07/9/2023 có 02 đối tượng đều mặc quần dài màu đen, áo chống nắng màu đen, đi xe mô tô kiểu Dream không đeo biển kiểm soát đã trộm cắp chiếc xe của anh. Anh C đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô trên, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Tuấn A khai: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 13/9/2023 anh chở chị Trần Phương L đi chơi về và ngủ lại nhà chị L tại xóm X, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình. Chị L khóa cổng và cầm chìa khóa, anh Tuấn A dắt xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i biển kiểm soát 35B3-020.34 lên hiên nhà, khóa cổ xe. Sau đó cả hai vào nhà ngủ. Đến khoảng 04 giờ 00

phút anh phát hiện chiếc xe máy SH đã bị mất, cổng nhà bị mở, then cài khóa cổng bị cắt phần móc cài khóa. Anh Tuấn A đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô trên, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình điều tra, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Tiến Đ khai: Sáng ngày 16/9/2023, Phạm Văn L có liên lạc với anh qua ứng dụng Messenger để thay ổ khóa xe mô tô SH do làm mất chìa khóa. Sau đó L mang chiếc xe mô tô SH đến cửa hàng xe máy nơi anh đang làm việc tại khu công nghiệp thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; anh đã thay ổ khóa cho L với giá 1.300.000 đồng. L nói với anh hôm qua đi chơi đêm bị rơi mất chìa khóa nên cần thay, anh không hề biết chiếc xe trên do trộm cắp mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 39 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 16/9/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn L cho UBND thị trấn L và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s lắp sim số 0387.916.166 thu giữ của Trần Đình T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí: Buộc các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L đều trình bày nhất trí với nội dung luận tội, không tự bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do hoàn cảnh khó khăn, háms lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần Đình T đã khai nhận hành vi trộm cắp vào các ngày 07/9/2023 và ngày 14/9/2023, bị cáo Phạm Văn L khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản do T trộm cắp vào ngày 14/9/2023 đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong hai ngày, ngày 07/9/2023 và ngày 14/9/2023 Trần Đình T đã 02 lần lợi dụng sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Ninh Bình với tổng giá trị tài sản là 60.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 12 giờ 18 phút ngày 07/9/2023, tại phố B, phường NB, thành phố N, Trần Đình T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn Yamaha Exciter GP 150 đen, biển kiểm soát 35N1 - 223.05 của anh Trần Văn C trị giá 15.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 14/9/2023 tại xóm X, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình, Trần Đình T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 35B3 - 020.34 của anh Nguyễn Tuấn A trị giá 45.000.000 đồng.

Khoảng 19 giờ ngày 14/9/2023, Phạm Văn L mặc dù không hứa hẹn từ trước và biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 35B3 - 020.34 là tài sản do Trần Đình T phạm tội mà có nhưng L vẫn đồng ý mua lại chiếc xe với giá 9.000.000 đồng. L đã chuyển khoản cho T số tiền mua bán xe sau đó mang xe đi sửa lại khóa để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L đều có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo Trần Đình T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”

“Điều 323. Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đình T đang có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 07/9/2023 và ngày 14/9/2023 nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, h khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo Trần Đình T đã xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo Phạm Văn L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có ông ngoại được UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen do có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống pháp. Do đó, Bị cáo Trần Đình T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Nhân thân: Bị cáo Trần Đình T có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Phạm Văn L chưa từng vi phạm pháp luật.

[2] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản của

nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Trần Đình Tâm đang có 01 tiền án, nhân thân đã nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Phạm Văn L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, cải tạo, tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức, sửa chữa sai lầm, thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Do các bị cáo đều là lao động tự do, không có việc làm, không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo T đã hoàn trả lại số tiền 9.000.000 đồng cho bị cáo L, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s lắp sim số 0387.916.166 là tài sản của Trần Đình T, được T sử dụng làm công cụ để liên lạc với Nguyễn Nhân Q rủ đi trộm cắp tài sản, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Những tình tiết khác có liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Nhân Q là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với T trong các ngày 07/09/2023 tại phố Bắc Phong, phường Nam Bình, thành phố N và ngày 14/9/2023 tại xóm X, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình như T khai báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã nhiều lần triệu tập, nhưng đối tượng hiện tại bỏ trốn không có mặt tại địa phương nên chưa có đủ căn cứ để xử lý đối tượng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng Nguyễn Nhân Q để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với chị Trương Thị Ngọc A1 là chủ số tài khoản 22669988888888 tại Ngân hàng MB Bank. Ngày 14/9/2023, T sử dụng tài khoản ngân hàng này để thực hiện giao dịch chuyển tiền mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 35B3 - 020.34 cho Phạm Văn L. Khi L chuyển tiền mua xe đến số tài khoản này thì chị Ngọc A1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Vũ Tiến Đ: Ngày 16/9/2023, anh Đ làm lại chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 35B3 - 020.34 cho L. Anh Đ không biết đây là tài sản mà T trộm cắp được và không liên quan đến hành vi phạm tội của T và L nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc vam và tay công T mang theo để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 07/9/2023, T đã làm rơi trên đường đi; chiếc kìm thủy lực và chiếc tuốc nơ vít T mang theo để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/09/2023, T đã vứt đi. Cơ quan điều tra không thu lại được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream T điều khiển để đi trộm cắp tài sản ngày 07/9/2023. T khai mượn của một người bạn tên Tiến Anh, T không biết họ tên, năm sinh, địa chỉ chính xác của người này. Ngày 07/9/2023, T gặp Tiến Anh ở quán nước nên mượn xe nói đi có việc sau đó T đã trả lại xe cho Tiến Anh. Ngoài lời khai của T về người tên Tiến Anh không còn tài liệu nào khác, vì vậy không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Do bị tuyên có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình T;

Căn vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Đình T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày tạm giữ (16/9/2023).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án (01/2/2024).

Giao bị cáo Phạm Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi làm việc, nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s lắp sim số 0387.916.166 thu giữ của Trần Đình T.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND TP Ninh Bình (1);
- Công an TP Ninh Bình (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh NB (1);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1);
- Chi cục THA dân sự TP Ninh Bình (1);
- UBND thị trấn L (1);
- Bị cáo (2);
- Bị hại (2);
- Người có QLNV liên quan (2);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHẠM DIỆU OANH
(ĐÃ KÝ)**

